

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày: 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **TRẦN THANH TÙNG**

Ông **LÊ VĂN LÂU**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THÀNH NAM** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1976 tại tỉnh TG. Nơi cư trú: ấp 4, xã AH, huyện CB, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Trang Thị H (1949); Anh, em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo có vợ tên Lê Thị Mộng T (đã ly hôn), bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp 4, xã AH, huyện CB, tỉnh TG, đi học lớp 1 thì nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội.

Bị đưa đi lao động tập trung trong thời hạn 06 tháng theo quyết định số 251/QĐ-UB ngày 07/08/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh TG (Bị cáo đã chấp hành xong);

Tòa án nhân dân huyện CB xử phạt 09 tháng tù giam về “Tội trộm cắp tài sản” theo bản án số 120/HSST ngày 30/11/1998 (Bị cáo đã chấp hành xong). (Bị cáo tại ngoại có mặt).

* Bị hại:

Phạm Thị Xuân U, sinh năm: 1975. Cư trú: ấp 4, xã AH, huyện CB, tỉnh TG. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 12/04/2019, Nguyễn Văn N đi bộ từ nhà của N ở ấp 4, xã AH, huyện CB, tỉnh TG ra chợ AH thuộc xã AH, huyện CB, khi đi ngang Cơ sở kinh doanh nước đá của chị Phạm Thị Xuân Uy, sinh năm 1975, thường trú tổ 4, ấp 4, xã AH, huyện C B, tỉnh TG, N thấy phía trước Cơ sở có đậu 01 chiếc xe ba gác, loại xe Hoa Lâm, trọng tải 1 tấn, gắn biển kiểm soát 61L-2754, trên xe còn cắm sẵn chìa khóa và không ai trông coi nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt. N đi lại ngồi vào vị trí điều khiển, khởi động máy và điều khiển xe ra Quốc lộ 1 đi về hướng thành phố HCM để tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 04 giờ ngày 12/04/2019, chị U đến Cơ sở kinh doanh nước đá phát hiện mất xe 61L-2754 đã đến trình báo Công an xã AH để giải quyết.

Đến khoảng 08 giờ 12/4/2019, N điều khiển xe 61L-2754 đến khu vực cầu vượt AS thuộc quận 12, thành phố HCM thì gặp một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) môi giới nơi bán xe cho N với tiền thu lao là 500.000 đồng. N đồng ý nên người đàn ông dẫn N đến một cửa hàng bán xe Hoa Lâm (không rõ tên, địa chỉ) bán xe vừa trộm được với giá 10.000.000 đồng trừ tiền môi giới còn lại 9.500.000 đồng, N trả nợ cho anh Trương Minh P, sinh năm 1985, thường trú ấp KP, xã HH, huyện CB, tỉnh TG số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng, N tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 22/04/2019, Nguyễn Văn N đến gặp chị U thừa nhận đã trộm xe 61L-2754, yêu cầu dẫn chị U đi chuộc xe nhưng chị U không đồng ý và đến Công an xã AH trình báo, mời N về trụ sở làm việc nhưng N bỏ trốn. Đến ngày 04/9/2019, lực lượng trinh sát hình sự Công an huyện CB phát hiện N và mời N về trụ sở Công an xã AH làm việc thì N thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 105 ngày 06/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CB kết luận:

Xe mô tô ba bánh Hoa Lâm, màu xanh, biển số 61L-2754 trị giá 9.000.000 đồng;

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn N đã bồi thường cho chị Phạm Thị Xuân U 10.000.000 đồng. Chị U không yêu cầu N phải tiếp tục bồi thường.

Đối với anh Trương Minh P không biết số tiền N trả nợ là do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà

có.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 01/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CB truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N nhận tội và khai nhận hành vi của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo N đã phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể vào khoảng 03 giờ 30 ngày 12/4/2019, tại Khu vực Chợ AH thuộc xã AH, huyện CB, tỉnh TG, bị cáo N đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản là 01 xe mô tô ba bánh Hoa Lâm, màu xanh, biển số 61L-2754. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CB xác định Xe mô tô ba bánh Hoa Lâm, màu xanh, biển số 61L-2754 có trị giá 9.000.000 đồng nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của phía bị hại, hành vi của bị cáo không những làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong nhân dân mà còn ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, nên cần phải được xử lý nghiêm mới có tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về nhân thân: Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu. Vào năm 1995, bị cáo bị đưa đi lao động tập trung trong thời hạn 06 tháng theo quyết định số 251/QĐ-UB ngày 07/08/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh TG. Năm 1998, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện CB xử phạt 09 tháng tù giam về “Tội trộm cắp tài sản” theo bản án số 120/HSST ngày 30/11/1998, phía bị cáo không tự ý thức sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, phía bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho phía bị hại số tiền 10.000.000 đồng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại điểm

b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy, phía gia đình bị cáo và chính quyền địa phương nhiều lần giáo dục, động viên bị cáo để phía bị cáo sửa đổi, khắc phục sai lầm trở thành công dân tốt cho xã hội, tuy nhiên phía bị cáo chưa có ý thức chấp hành và tự sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian rèn luyện bản thân để sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Phía chị Phạm Thị Xuân U không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Trương Minh P không biết số tiền bị cáo N trả nợ là do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố phía Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Căn cứ các Điều 135, 136, 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại Phạm Thị Xuân U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Công an huyện Cái Bè
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG TÍNH